

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 20/12/2020**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Thị Hải Chiến	Nữ	12/11/1988	Nghệ An	6.3	7.0	440/QĐ297	1141095	
2	Nguyễn Anh Đức	Nam	15/12/1992	Hà Tĩnh	7.3	7.5	441/QĐ297	1141096	
3	Võ Tá Dũng	Nam	22/12/1997	Hà Tĩnh	7.0	9.0	442/QĐ297	1141097	
4	Vi Thanh Hằng	Nam	26/12/1998	Nghệ An	6.3	6.0	443/QĐ297	1141098	
5	Lê Thị Thanh Hằng	Nữ	04/02/1996	Hà Tĩnh	6.3	5.5	444/QĐ297	1141099	
6	Hồ Thị Hoi	Nữ	04/03/1971	Nghệ An	6.3	6.5	445/QĐ297	1141100	
7	Nguyễn Thị Hương	Nữ	07/03/1996	Nghệ An	5.7	6.0	446/QĐ297	1141101	
8	Lương Thị Lan	Nữ	20/04/1979	Nghệ An	5.3	5.5	447/QĐ297	1141102	
9	Lô Thị Minh Nhân	Nữ	03/10/1982	Nghệ An	6.3	7.0	448/QĐ297	1141103	
10	Nguyễn Thạch Sơn	Nam	27/03/1986	Nghệ An	7.0	6.5	449/QĐ297	1141104	
11	Trần Thị Ngọc Sương	Nữ	09/09/1997	Nghệ An	7.0	7.5	450/QĐ297	1141105	
12	Lê Thị Hồng Thái	Nữ	15/10/1976	Nghệ An	6.3	7.5	451/QĐ297	1141106	
13	Lương Thị Hà Thu	Nữ	31/10/1999	Nghệ An	6.7	7.5	452/QĐ297	1141107	
14	Trần Kim Tiến	Nam	07/04/1974	Hà Tĩnh	6.7	5.5	453/QĐ297	1141108	
15	Hoàng Nữ Hà Uyên	Nữ	17/02/1996	Nghệ An	6.3	7.0	454/QĐ297	1141109	
16	Ngô Quang Anh	Nam	23/06/2003	Nghệ An	6.3	5.5	323/QĐ28/2021	TH000266	
17	Trần Thị Phương Anh	Nữ	22/07/2003	Nghệ An	6.0	5.5	324/QĐ28/2021	TH000267	
18	Văn Đức Bảo	Nam	11/03/2002	Nghệ An	6.7	5.5	325/QĐ28/2021	TH000268	
19	Nguyễn Lương Bình	Nam	29/05/2003	Nghệ An	7.0	5.0	326/QĐ28/2021	TH000269	
20	Ngô Xuân Chinh	Nam	02/02/2003	Nghệ An	7.3	5.5	327/QĐ28/2021	TH000270	
21	Nguyễn Văn Cường	Nam	11/12/2002	Nghệ An	6.3	5.0	328/QĐ28/2021	TH000271	
22	Đinh Quang Dân	Nam	19/03/2003	Nghệ An	5.3	5.5	329/QĐ28/2021	TH000272	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
23	Lê Hữu Đông	Nam	15/05/2003	Nghệ An	6.7	6.0	330/QĐ28/2021	TH000273	
24	Phan Trọng Đồng	Nam	02/01/2003	Nghệ An	5.7	6.0	331/QĐ28/2021	TH000274	
25	Nguyễn Minh Đức	Nam	16/05/2002	Nghệ An	6.3	5.5	332/QĐ28/2021	TH000275	
26	Nguyễn Việt Đức	Nam	12/11/2003	Nghệ An	6.3	6.5	333/QĐ28/2021	TH000276	
27	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ	05/07/2003	Nghệ An	6.3	5.5	334/QĐ28/2021	TH000277	
28	Bùi Văn Dũng	Nam	01/09/2003	Nghệ An	5.7	6.0	335/QĐ28/2021	TH000278	
29	Hoàng Quang Dũng	Nam	18/03/2003	Nghệ An	6.0	7.0	336/QĐ28/2021	TH000303	
30	Cao Ngọc Hiệp	Nam	24/06/2003	Nghệ An	6.3	6.0	337/QĐ28/2021	TH000279	
31	Đặng Xuân Hiệp	Nam	30/09/2003	Nghệ An	6.3	6.5	338/QĐ28/2021	TH000280	
32	Lê Huy Hoàng	Nam	15/12/2003	Nghệ An	5.3	6.5	339/QĐ28/2021	TH000281	
33	Đặng Mạnh Hùng	Nam	28/12/2003	Nghệ An	6.0	5.0	340/QĐ28/2021	TH000282	
34	Lê Bá Kiều	Nam	20/02/2003	Nghệ An	6.3	5.0	341/QĐ28/2021	TH000283	
35	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	28/04/2003	Nghệ An	5.7	6.5	342/QĐ28/2021	TH000284	
36	Vũ Bá Lương	Nam	01/04/2001	Nghệ An	5.3	5.5	343/QĐ28/2021	TH000285	
37	Nguyễn Thị Thảo Ly	Nữ	09/01/2003	Nghệ An	6.0	7.0	344/QĐ28/2021	TH000286	
38	Lê Tiến Mạnh	Nam	09/09/2003	Nghệ An	6.3	5.0	345/QĐ28/2021	TH000287	
39	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	21/05/2003	Nghệ An	6.3	6.0	346/QĐ28/2021	TH000288	
40	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	28/09/2003	Nghệ An	6.3	5.0	347/QĐ28/2021	TH000289	
41	Nguyễn Văn Nhâm	Nam	16/06/2002	Nghệ An	5.7	5.5	348/QĐ28/2021	TH000290	
42	Hoàng Văn Nhật	Nam	30/10/2002	Nghệ An	5.7	6.5	349/QĐ28/2021	TH000291	
43	Lý Khánh Nhật	Nam	24/08/2003	Nghệ An	6.0	5.5	350/QĐ28/2021	TH000292	
44	Trần Đăng Phong	Nam	06/10/2002	Nghệ An	6.3	5.5	351/QĐ28/2021	TH000293	
45	Nguyễn Trọng Phú	Nam	21/06/2003	Nghệ An	5.3	7.0	352/QĐ28/2021	TH000294	
46	Lê Tiến Quân	Nam	16/09/2003	Nghệ An	5.7	7.0	353/QĐ28/2021	TH000295	
47	Đặng Minh Quân	Nam	18/11/2003	Nghệ An	6.3	6.0	354/QĐ28/2021	TH000296	
48	Vũ Văn Quang	Nam	09/10/2003	Nghệ An	6.3	6.5	355/QĐ28/2021	TH000297	
49	Đinh Văn Quý	Nam	22/08/2003	Nghệ An	6.7	6.0	356/QĐ28/2021	TH000298	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
50	Quách Công Quý	Nam	19/09/2003	Nghệ An	6.0	5.5	357QĐ28/2021	TH000299	
51	Nguyễn Giang Sơn	Nam	16/04/2002	Nghệ An	6.7	5.5	358QĐ28/2021	TH000300	
52	Đinh Viết Tài	Nam	03/02/2003	Nghệ An	6.7	5.0	359QĐ28/2021	TH000301	
53	Hoàng Chiến Thắng	Nam	06/11/2003	Nghệ An	5.7	5.0	360QĐ28/2021	TH000302	
54	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	09/01/2002	Nghệ An	5.3	5.0	361QĐ28/2021	TH000303	
55	Đoàn Thị Trang	Nữ	27/02/2003	Nghệ An	6.6	5.0	362QĐ28/2021	TH000304	
56	Nguyễn Thị Trang	Nữ	27/05/2003	Nghệ An	6.3	5.5	363QĐ28/2021	TH000305	
57	Nguyễn Hoàng Triều	Nam	24/02/2003	Nghệ An	6.7	8.5	364QĐ28/2021	TH000306	
58	Ngô Thị Tố Uyên	Nữ	25/02/2003	Nghệ An	5.7	5.5	365QĐ28/2021	TH000307	
59	Ngô Xuân Ý	Nam	29/01/2003	Nghệ An	6.3	5.5	366QĐ28/2021	TH000308	

